

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 22-8-2025

V/v tranh chấp “Hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sắc.

2. Ông Trương Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:*

- Ông Lê Văn Ở, sinh năm: 1972.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh.

(Ông T có mặt, ông Ở, bà T1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 11/6/2024, ông có tham gia phần hụi 2.000.000 đồng do ông Lê Văn Ở, bà Nguyễn Thị T1 làm đầu thảo, 01 tháng mở hụi một lần, hụi có 17 người tham gia và có 22 phần, ông tham gia 06 phần (trong giấy hụi ghi tên T, số thứ tự 5, 6, 7, 8, 9 và 21). Đến lần mở hụi lần thứ 03 thì ông lĩnh 01 phần hụi, ông còn lại 05 phần. Đến lần mở hụi thứ 06 thì ông Ở, bà T1 tuyên bố vỡ hụi và không mở hụi tiếp, sau khi đối chiếu sổ sách thì ông Ở và bà T1 còn nợ ông số tiền 18.000.000 đồng.

Ngày 20/7/2024, ông có tham gia phần hụi 3.000.000 đồng do ông Lê Văn Ở, bà Nguyễn Thị T1 làm đầu thảo, 01 tháng mở hụi một lần, hụi có 15 người tham gia và có 22 phần, ông tham gia 07 phần (trong giấy hụi ghi tên T, số thứ tự 7, 8, 9, 12,

16, 18 và 20). Ông đã góp được 04 lần hội, đến lần mở hội thứ 5 thì ông Ở, bà T1 tuyên bố vỡ hội và không mở hội tiếp, số tiền ông đã góp là 84.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội ông Ở, bà T1 phải trả lại cho ông là 102.000.000 đồng.

Đến ngày 26/11/2024, ông với ông Ở và bà T1 tiến hành đối chiếu lại sổ sách và cân trừ tài sản thì số tiền ông Ở, bà T1 còn nợ ông là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Ở và bà Nguyễn Thị T1 phải liên đới trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Lê Văn Ở và bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không hòa giải được do ông Ở, bà T1 vắng mặt.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Ông T yêu cầu bà T1, ông Ở phải liên đới trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: căn cứ vào danh sách khai hội do bà T1 làm đầu thảo thì ông T có tham gia 02 dây hội, dây 1 khai vào ngày 11/6/2024 (nhằm ngày 06/5/2024 âm lịch) khai hội 2.000.000 đồng, dây 2 khai ngày 20/7/2024 (nhằm ngày 15/6/2024 âm lịch) khai hội 3.000.000 đồng và căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 26/11/2024 có chữ ký của ông Ở, bà T1 và ông T, thể hiện ông Ở, bà T1 còn nợ ông T số tiền hội là 30.000.000 đồng. Do đó, ông T yêu cầu bà T1, ông Ở phải liên đới trả cho ông T số tiền 30.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 15, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Ở, bà T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Ở, bà T1 nhưng ông Ở và bà T1 vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, ông T xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc ông T xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T yêu cầu ông Ở, bà T1 phải liên đới trả số tiền nợ hui là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành sao gửi chứng cứ do ông Nguyễn Thanh T cung cấp là biên bản thỏa thuận có ký, lăn tay và ghi tên Nguyễn Thị T1, Lê Văn Ở cho bị đơn tiếp cận chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án tiến hành thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết. Tuy nhiên, bị đơn không phản đối với chứng cứ do ông T cung cấp và bị đơn cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc không có nợ tiền hui của ông T. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[3.2] Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) thì ông Ở, bà T1 vẫn còn sinh sống tại địa phương nhưng ông Ở, bà T1 vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ, ông Ở và bà T1 đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Ở, bà T1 nợ tiền hui của ông T là có thật. Nay ông T yêu cầu ông Ở, bà T1 phải liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

[3.3] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 –Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông Ở, bà T1 phải liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông T.

Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 471, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với ông Lê Văn Ở, bà Nguyễn Thị T1 về việc tranh chấp “Hụi”.

Ông Lê Văn Ở, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn Ở, bà Nguyễn Thị T1 phải liên đới chịu 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001606 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An – nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực/tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Chí Dũng